

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-02-2025  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh  
chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lâm Kim Mến.

Ông Ngô Văn Cơ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024, về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 340/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Võ Thị N, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Huỳnh Phẩm, xã Thạnh Quới, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:*** Ông Hứa Văn Út N2, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1976 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà Lưu Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 19, khu dân cư M, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện theo ủy quyền của Bà Lưu Thị M:*** Bà Trần Thị T, sinh năm 1976 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Ông Nguyễn Minh C (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Bà Nguyễn Thị Kim L (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 32, đường Tân Lập, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 08/3/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bà Võ Thị N trình bày: Bà Võ Thị N và Ông Hứa Văn Út N2 kết hôn vào năm 2009. Đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bà Võ Thị N và Ông Hứa Văn Út N2 chung sống không hạnh phúc, do không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên bà N về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông N2 thường xuyên đến nhà cha mẹ ruột và đến nơi làm việc của bà N chửi bới nên vợ chồng không thể sống chung, không thể hàn gắn. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2024 đến nay. Bà Võ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Hứa Văn Út N2.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, Bà Võ Thị N và Ông Hứa Văn Út N2 có 02 người con chung tên Hứa Gia K, sinh ngày 26/8/2011 và Hứa Thị Như Y, sinh ngày 31/01/2013 đang sống với bà N. Tại phiên tòa, bà N yêu cầu được quyền nuôi hai người con là Hứa Gia K và Hứa Thị Như Y đến đủ tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, Bà Võ Thị N yêu cầu Ông Hứa Văn Út N2 cấp dưỡng nuôi con đối với Hứa Thị Như Y theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N thống nhất vợ chồng có nợ của Bà Lưu Thị M 6.000.000 đồng, nợ của Bà Trần Thị T 2.500.000 đồng. Nay bà N đồng ý trả cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng, đồng ý trả cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng và yêu cầu Ông Hứa Văn Út N2 có nghĩa vụ trả cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng, trả cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng.

Đối với các khoản tiền nợ của ông Nguyễn Minh C và nợ của Bà Nguyễn Thị Kim L thì ông N2 mượn bà N không biết các khoản nợ này.

- Tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Hứa Văn Út N2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Bà Võ Thị N về thời gian kết hôn vào năm 2009. Đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nên không còn sống chung từ đầu năm 2024. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông N2 không đồng ý, vì ông N2 muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho con còn nhỏ.

Về con chung: Có hai người con chung tên Hứa Gia K, sinh ngày 26/8/2011 và Hứa Thị Như Y, sinh ngày 31/01/2013. Nếu trường hợp ly hôn thì ông N2 đồng ý giao cho Bà Võ Thị N được quyền nuôi con là Hứa Gia K đến đủ tuổi trưởng thành,

ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Ông N2 yêu cầu nuôi con là Hứa Thị Như Y đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông N2 và bà N có thiếu tiền nợ của Bà Lưu Thị M 6.000.000 đồng, thiếu tiền của Bà Trần Thị T 2.500.000 đồng. Ông N2 đồng ý trả cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng, đồng ý trả cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng và yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng, trả cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng.

Đối với các khoản tiền nợ của ông Nguyễn Minh C 6.000.000 đồng vào và nợ của Bà Nguyễn Thị Kim L 7.000.000 đồng vào khoảng giữa năm 2023 (mượn của bà L sau ông C khoảng 03 tháng). Theo thông báo của Tòa án yêu cầu ông N2 cung cấp địa chỉ hiện tại của ông C và bà L. Nhưng ông N2 không còn địa chỉ nào khác của họ để cung cấp cho Tòa án. Ông N2 có ý kiến nếu ông C không sinh sống tại Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và bà L không có sinh sống tại địa chỉ Số nhà 32, đường Tân Lập, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh thì sau này nếu ông C và bà L khởi kiện yêu cầu về các khoản nợ này thì yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ kiện khác.

Trước đây ông N2 trình bày có nợ của Ngân hàng nhưng ông N2 không nhớ Ngân hàng nào. Vay hơn 100.000.000 đồng. Ông N2 cam kết ngày 03/5/2024 sẽ làm đơn yêu cầu giải quyết nợ Ngân hàng và cung cấp hợp đồng vay tiền cũng như địa chỉ cụ thể của Ngân hàng cho Tòa án.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/11/2024, con chung từ đủ 07 tuổi trở lên cháu Hứa Gia K và cháu Hứa Thị Như Y trình bày:* Nếu cha và mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì từ khi cha, mẹ không còn sống chung, mẹ về nhà sống với ông bà ngoại thì cha cháu là ông Út N2 bắt cháu Như Y về sống với cha. Nhưng ông N2 thường xuyên đi kéo tôm cho người ta vào lúc 02, 03 giờ khuya, cháu Như Y ở nhà một mình, nhà ở ngoài đồng ruộng cách xa xóm làng nên cháu sợ. Do đó, các cháu muốn sống cùng nhau với mẹ.

- *Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 01/7/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị T, đồng thời đại diện theo ủy quyền của Bà Lưu Thị M trình bày:* Trước đây Bà Lưu Thị M có cho vợ chồng Bà Võ Thị N và Ông Hứa Văn Út N2 mượn số tiền 6.000.000 đồng, Bà T có cho vợ chồng bà N, ông N2 vay 2.500.000 đồng. Nay Bà Võ Thị N và Ông Hứa Văn Út N2 ly hôn thì yêu cầu bà N và ông N2 mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà M số tiền 3.000.000 đồng, mỗi người thanh toán cho Bà T 2.500.000 đồng. Bà T và bà M không yêu cầu tính lãi.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C, Bà Nguyễn Thị Kim L:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định cho bà L và ông C theo địa chỉ do bị đơn Ông Hứa Văn Út N2 cung cấp. Nhưng địa chỉ của bà L không đúng, ông C không sinh sống tại địa chỉ do ông N2 cung cấp, Tòa án đã thông báo cho ông N2 cung cấp địa chỉ chính xác của bà L và ông C. Nhưng ông Út N2 không cung cấp.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 27; Điều 81; 82; 83; 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Võ Thị N. Về hôn nhân: Bà Võ Thị N được quyền ly hôn với Ông Hứa Văn Út N2; Về con chung: Giao cho Bà Võ Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Hứa Gia K, sinh ngày 26/8/2011 và Hứa Thị Như Y, sinh ngày 31/01/2013 đến đủ 18 tuổi. Ông Hứa Văn Út N2 được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng: Buộc Ông Hứa Văn Út N2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Hứa Thị Như Y, sinh ngày 31/01/2013, mức cấp dưỡng là 1.725.000đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2025; Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Lưu Thị M và Bà Trần Thị T. Buộc Bà Võ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng và thanh toán cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng; Buộc Ông Hứa Văn Út N2 có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng và thanh toán cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng.

Đối với số tiền nợ của ông Nguyễn Văn Chiến, Bà Nguyễn Thị Kim L, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xác định lại quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,

tranh chấp hợp đồng vay tài theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn Ông Hứa Văn Út N2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị T đồng thời đại diện theo ủy quyền của Bà Lưu Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Vụ kiện của Bà Võ Thị N và Ông Hứa Văn Út N2 là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bà N và ông N2 kết hôn vào năm 2009. Đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Võ Thị N và Ông Hứa Văn Út N2 là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn bà N và ông N2 sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N2. Đối với ông Út N2 không đồng ý ly hôn nhưng ông N2 không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn gia đình, tại phiên tòa, bà N xác định không còn tình cảm, hôn nhân không thể hàn gắn, kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Võ Thị N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, Bà Võ Thị N và Ông Hứa Văn Út N2 có 02 người con chung tên Hứa Gia K, sinh ngày 26/8/2011 và Hứa Thị Như Y, sinh ngày 31/01/2013 đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được quyền nuôi hai người con đến đủ tuổi trưởng thành. Ông N2 yêu cầu nuôi một người con là Hứa Thị Như Y. Xét thấy, kể từ khi bà N và ông N2 không còn chung sống với nhau và hai người con chung hiện nay do bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng đến nay, Cháu K và Như Y có nguyện vọng được sống với mẹ. Hơn nữa, theo các cháu trình bày do ông N2 thường xuyên đi làm vào lúc 2, 3 giờ khuya, nhà ở ngoài đồng ruộng cách xa xóm làng, các cháu còn nhỏ phải ở nhà một mình là không bảo đảm an toàn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai người con chung cho Bà Võ Thị N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu là phù hợp. Ông N2 được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị N yêu cầu Ông Hứa Văn Út N2 cấp dưỡng nuôi con chung Hứa Thị Như Y theo quy định của pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2024 (BL 70) ông N2 đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông N2 không phải là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và bà N yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình buộc Ông Hứa Văn Út N2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hứa Thị Như Y. Về mức cấp dưỡng, căn cứ vào khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Mức cấp dưỡng do người có

*nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".* Căn cứ quy định khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình thì mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú đối với một người con, hiện nay theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NQ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng thì huyện M thuộc vùng IV với mức lương tối thiểu tháng là 3.450.000 đồng, một nửa tháng lương tối thiểu vùng là 1.725.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình cần buộc ông N2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu vùng 1.725.000 đồng/tháng là có căn cứ và phù hợp. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2025 cho đến khi cháu Như Y đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung:

- Xét yêu cầu độc lập của Bà Trần Thị T và Bà Lưu Thị M về việc yêu cầu bà N và ông N2 mỗi người thanh toán cho Bà T  $\frac{1}{2}$  số nợ là 1.250.000 đồng và thanh toán cho Bà Lưu Thị M Tươi  $\frac{1}{2}$  số nợ 3.000.000 đồng. Xét thấy, bà N và ông N2 thống nhất có nợ của bà Bà T và bà M và đồng ý mỗi người thanh toán cho Bà T và bà M theo yêu cầu độc lập. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất buộc Bà Võ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng và thanh toán cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng; buộc Ông Hứa Văn Út N2 có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng và thanh toán cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng.

[7] Đối với các khoản nợ ông N2 trình bày còn nợ của ông C 6.000.000 đồng, nợ Bà Nguyễn Thị Kim L 7.000.000 đồng, ông N2 và bà N không cung cấp được địa chỉ chính xác, nên Tòa án không thể tổng đạt các Thông báo, văn bản tố tụng cho ông C và bà L. Ngoài ra, ông N2 trình bày nợ Ngân hàng 100.000.000 đồng, bà N trình bày không có nợ Ngân hàng. Ông N2 không cung cấp được tên Ngân hàng nào và không cung cấp được địa chỉ chính xác của Ngân hàng. Do đó, đối với các khoản nợ trên khi yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

- Bà Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nhỏ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004558 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà Nhỏ phải nộp thêm 300.000 đồng.

- Ông Hứa Văn Út N2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Yêu cầu độc lập của Bà Trần Thị T và Bà Lưu Thị M đối với bà Bà Võ Thị N và Ông Hứa Văn Út N2 được chấp nhận nên Bà Trần Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005562 ngày 08/7/2024 và Bà Lưu Thị M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005561 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 27; Điều 81; 82; 83; 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Võ Thị N.

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị N được quyền ly hôn với Ông Hứa Văn Út N2.

- Về con chung: Giao cho Bà Võ Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Hứa Gia K, sinh ngày 26/8/2011 và Hứa Thị Như Y, sinh ngày 31/01/2013 đến đủ 18 tuổi.

Ông Hứa Văn Út N2 được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở;

- Về cấp dưỡng: Buộc Ông Hứa Văn Út N2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Hứa Thị Như Y, sinh ngày 31/01/2013, mức cấp dưỡng là 1.725.000đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2025.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Lưu Thị M và Bà Trần Thị T.

- Buộc Bà Võ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng và thanh toán cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng.

- Buộc Ông Hứa Văn Út N2 có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trần Thị T 1.250.000 đồng và thanh toán cho Bà Lưu Thị M 3.000.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004558 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà N phải nộp thêm 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Ông Hứa Văn Út N2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Bà Trần Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005562 ngày 08/7/2024 và Bà Lưu Thị M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005561 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký hộ tịch;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ái Mỹ**